

Số: TB-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra đột xuất việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 875/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Đoàn kiểm tra đột xuất việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 1243/QĐ-SGDĐT ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ sung thành viên và gia hạn thời gian kiểm tra của Đoàn kiểm tra đột xuất việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Báo cáo số 506/BC-LTT-TC ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thông tin ý kiến về một số nội dung trong Biên bản kiểm tra việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh (kèm theo các minh chứng bổ sung);

Xét Báo cáo kết quả kiểm tra đột xuất việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Trưởng đoàn kiểm tra, Giám đốc Sở Thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Khái quát chung

1.1. Tổng quan

- Địa chỉ trụ sở chính: 390 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, Tp.HCM
- Địa điểm đào tạo: Không
- Website: lytutrongltdc.edu.vn
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Họ và tên Hiệu trưởng: Không có
- Họ và tên Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường: Đinh Văn Đệ.
- Họ và tên Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo: Châu Văn Bảo
- Số lượng đơn vị trực thuộc: 11, gồm 07 phòng và 04 trung tâm.
- Số lượng Khoa chuyên môn: 11.

1.2. Cơ cấu tổ chức của Trường

a) Tổ chức cơ sở Đảng

- Tên tổ chức: Đảng bộ Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp Hồ Chí Minh
- Số lượng đảng viên: 90 người, trong đó chính thức là: 79 người.

b) Tổ chức Công đoàn

- Tên tổ chức: CĐCS Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP Hồ Chí Minh
- Số lượng công đoàn viên: 324 người.

c) Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản

- Tên tổ chức: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh
- Số lượng Đoàn viên: 2.045 đoàn viên, gồm: 13 Đoàn viên giảng viên – nhân viên; 2.032 Đoàn viên sinh viên.

d) Hội đồng Trường

- Được thành lập theo Quyết định số 782/QĐ-GDĐT-TC ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh – nhiệm kỳ 2019 – 2024 .

- Quy chế hoạt động thực hiện theo Quyết định số 02/QĐ-HĐT-LTT ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động nhiệm kỳ 2019 – 2024.

- Số lượng thành viên Hội đồng trường (theo Quyết định thành lập) là 15 người, hiện nay là 14 người;

- Chủ tịch Hội đồng trường (theo Quyết định thành lập): Phạm Hữu Lộc.

- Chủ tịch Hội đồng trường (hiện nay): Không có (do ông Phạm Hữu Lộc được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức theo Quyết định số 4648/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của UBND Thành phố).

- Thư ký Hội đồng trường (theo Quyết định thành lập): Lâm Viết Dũng.

- Thư ký Hội đồng trường (hiện nay): Lâm Viết Dũng.

đ) Tình hình nhân sự của Trường

- Quyết định giao chỉ tiêu biên chế: Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổng số chỉ tiêu biên chế được giao: 267 người (264 người hưởng lương từ ngân sách Nhà nước và 03 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp);

- Tổng số viên chức người lao động có mặt tại thời điểm ngày 22 tháng 4 năm 2025: 324 người, gồm:

- + Tổng số viên chức: 260 người;

- + Tổng số người lao động: 64 người;

- Tổng số nhà giáo cơ hữu có mặt tại thời điểm ngày 22 tháng 4 năm 2025:

203 người (12 nhà giáo kiêm chức, 19 Trưởng, Phó khoa, 172 giảng viên);

- Tổng số nhà giáo thỉnh giảng có mặt tại thời điểm ngày 22 tháng 4 năm 2025: 144 người;

2. Kết quả kiểm tra, xác minh

2.1. Đối với các thông tin phản ánh về việc thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của trường

a) Tổ xác minh được thành lập theo quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 14 tháng 02 năm 2025 đã thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ trong quá trình hoạt động.

b) Quá trình từ khi được tuyển dụng đến khi nghỉ việc do hết tuổi lao động đối với trường hợp của ông Phạm Hữu Tấn thì Trường đã thực hiện theo quy định.

c) Quá trình xử lý kỷ luật viên chức đối với ông Lâm Viết Dũng đã được thực hiện theo trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với viên chức theo Nghị định 71/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

d) Việc điều chuyển nhân sự trong thời gian sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW đối với trường hợp của ông Lê Xuân Thiện và trường hợp của ông Lâm Viết Dũng là thực hiện trong nội bộ đơn vị, không làm tăng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, không thực hiện bổ nhiệm mới tại trường. Do đó, không ảnh hưởng đến việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy hiệu lực, hiệu quả Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương, và Trường thực hiện việc điều chuyển nhân sự này đối với ông Lê Xuân Thiện và ông Lâm Viết Dũng là đúng quy định.

đ) Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường chưa cập nhật đầy đủ các văn bản pháp luật có liên quan¹.

e) Trường chưa ban hành các quy định liên quan công tác tiếp công dân theo quy định của Thanh tra Chính phủ².

g) Hiệu trưởng không có ban hành Quy chế làm việc của Ban Giám hiệu³.

h) Trường ký hợp đồng thỉnh giảng đối với giáo viên cơ hữu của Trường là chưa đúng quy định tại Điều 71 Luật Giáo dục năm 2019.

i) Trường phân công nhà giáo giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định, trong đó: **(1)** năm học 2022 - 2023 có 117 giảng viên giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định của 09 khoa với tổng số giờ là 40.773 giờ; **(2)** năm học 2023 - 2024 có 76 giảng viên giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng

¹ Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành năm 2024 chưa cập nhật Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020

² Không có: Quy chế tiếp công dân, Nội quy tiếp công dân, Lịch tiếp công dân của lãnh đạo, Địa điểm tiếp công dân, Sổ tiếp công dân.

³ Chỉ ban hành: Quyết định phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng.

theo quy định của 11 khoa với tổng số giờ là 16.884 giờ.

Đặc biệt, có trường hợp nhà giáo Nguyễn Mai Chinh được phân công giảng dạy với khối lượng lớn và sĩ số lớp lớn (*bình quân 350 HSSV/lớp*) trong các năm học⁴, gồm: **(1)** Năm học 2021 – 2022, giảng dạy 5.885 giờ; **(2)** Năm học 2022 – 2023, giảng dạy 4.565 giờ; **(3)** Năm học 2023 – 2024, giảng dạy 2.720 giờ; **(4)** Năm học 2024 – 2025, giảng dạy 2.420 giờ.

k) Trường phân công giảng dạy môn học Kỹ năng mềm cho các nhà giáo không có trình độ chuyên môn phù hợp, cụ thể:

T T	Thông tin Môn Kỹ năng mềm		Thông tin nhà giáo giảng dạy		
	Năm học	Lớp	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Nghịệp vụ
1	2021 – 2022 đến 2024 - 2025	Theo Hợp đồng giữa Trường với Công ty Cổ phần GD&ĐT GBI Quốc tế	Nguyễn Mai Chinh	- Đại học Quản lý kinh doanh - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Tiến sĩ Giáo dục	- Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm - Chứng chỉ bồi dưỡng Giáo dục kỹ năng sống do Trường Đại học Sư phạm thuộc Đại học Huế cấp.
2	2023 - 2024	23T3ĐCN-Duyên Hải	Phạm Văn Vĩnh	- Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Thạc sĩ Quản lý kinh tế	- Chứng chỉ Sư phạm bậc 2 - Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A - Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ B1
3	2023 - 2024	23T5-ĐCN1	Châu Văn Bảo	- Trung cấp Tin học ứng dụng - Đại học Kỹ thuật Điện – Điện tử - Đại học Ngôn ngữ Anh - Thạc sĩ Kỹ thuật - Tiến sĩ Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	- Bằng Cao cấp LLCT - Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm - Chứng nhận nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp - Chứng chỉ quản lý giáo dục - Chứng chỉ sư phạm bậc 2
4	2023 - 2024	23T3-NHQ1BP	Nguyễn Văn Hòa	- Đại học Luật - Đại học Sư phạm Sinh học	Chứng nhận đã hoàn thành lớp tập huấn phương pháp giảng dạy kỹ năng sống năm học 2011 – 2012 do Tỉnh đoàn tỉnh Bình Phước cấp.
		23T3-NTN1BP			
		23T3-THU1BP			
5	2024 – 2025	23T3-CNÔ1CK	Sơn Rôt	- Đại học Sư phạm giáo dục công dân - Thạc sĩ Chính trị học	- Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm - Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ B1 - Chứng chỉ năng lực UDCNTT nâng cao

l) Về công tác cán bộ:

(1) Trường hợp đối với ông Phan Hữu Tước

Quy trình, thủ tục thực hiện bổ nhiệm chức vụ quản lý đối với ông Phan Hữu Tước thực hiện chưa đúng quy định, cụ thể:

(i) Trường chưa thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số

⁴ Theo tổng hợp từ Thời Khóa biểu các năm học do Trường cung cấp.

115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

(ii) Về thành phần hồ sơ, Trường chưa thực hiện hồ sơ theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, thiếu các hồ sơ gồm:

- Bản tổng hợp kết quả kiểm phiếu kèm theo biên bản kiểm phiếu ở các bước trong quy trình bổ nhiệm;

- Nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo đơn vị về phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ, về năng lực công tác, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong 3 năm gần nhất;

Bên cạnh đó, còn có hồ sơ chưa đúng theo quy định, gồm:

- Kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị *(chỉ có Trích biên bản Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ trường lấy ý kiến về bổ nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng Quản trị - Dịch vụ Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Phan Hữu Tước ngày 13/9/2023, hồ sơ lưu chỉ là bản photo, không có dấu, bản gốc lưu ở Đảng ủy).*

- Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định *(chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận).*

- Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền có thời gian cấp không phù hợp *(theo hồ sơ đơn vị cung cấp thì Giấy chứng nhận sức khỏe của ông Phan Hữu Tước đề ngày 22/4/2025, theo Quyết định bổ nhiệm là ngày 29/9/2023. Như vậy, Giấy chứng nhận sức khỏe có sau thời điểm bổ nhiệm).*

(iii) Cơ sở pháp lý để Trường áp dụng cho việc bổ nhiệm viên chức đối với ông Phan Hữu Tước không phù hợp⁵.

(2) Trường hợp đối với ông Lương Xuân Thịnh

Đối với trường hợp bổ nhiệm lần đầu năm 2020, nhà trường thực hiện theo quy định của Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Quy định số 321/QyĐ-LTTT-TC ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM. Tuy nhiên, hồ sơ do trường cung cấp thể hiện việc bổ nhiệm chưa phù hợp quy định, cụ thể:

- Quy định số 321/QyĐ-LTTT-TC ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM và Hồ sơ bổ nhiệm không có điều kiện tiêu chuẩn của chức vụ quản lý theo quy định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo

⁵ Ngày 25 tháng 4 năm 2020, Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh có ban hành Quy định số 333/QyĐ-LTT-TC về thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức, người lao động tại Trường. Quy định này căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, tuy nhiên, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP đã bị bãi bỏ khi Nghị định số 115/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2020. Trường ban hành Quyết định số 574/QĐ-LTT-TC ngày 29/9/2023 về bổ nhiệm viên chức quản lý đối với ông Phan Hữu Tước và Quyết định này Trường căn cứ Quy định số 333/QyĐ-LTT-TC.

quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định 29/2012/NĐ-CP.

- Hồ sơ cung cấp 02 bản sơ yếu lý lịch theo mẫu 3a-BNV/2007 kèm Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV và mẫu số 2 theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV là chưa phù hợp theo quy định tại điểm c Khoản 4 Quy định số 321/QyĐ-LTTT-TC (sơ yếu lý lịch theo mẫu 2C-BNV/2008).

- Quy trình thực hiện quy hoạch cán bộ quản lý đối với trường hợp ông Thịnh, chỉ có danh sách mà không có Quyết định phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ quản lý là chưa đúng quy định.

- Đối với việc luân chuyển, điều động bổ nhiệm lại đối với ông Lương Xuân Thịnh, nhà trường thực hiện theo Quy định số 333/QyĐ-LTT-TC ngày 25 tháng 4 năm 2020 không phù hợp.

m) Việc cho thôi giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp và bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ đến hết nhiệm kỳ đối với ông Lâm Viết Dũng:

- Trường chưa thực hiện đúng quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ quản lý theo khoản 3 Điều 54 của khoản 31 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, cụ thể: *“Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn từ chức, cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nơi viên chức đang công tác có trách nhiệm trao đổi với viên chức và báo cáo cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định”*.

- Bên cạnh đó, còn có hồ sơ chưa đúng theo quy định, gồm:

+ Thiếu báo cáo cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định.

+ Thiếu văn bản thống nhất chấp thuận của Đảng ủy về việc chấp thuận cho ông Lâm Viết Dũng thôi giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp. Trường cung cấp chỉ có biên bản họp Ban chấp hành Đảng bộ trường ngày 11/4/2025, Đảng ủy thống nhất chấp thuận (6/6 đồng chí) chỉ thống nhất chấp thuận cho ông Lâm Viết Dũng điều chuyển về làm giảng viên tại khoa Điện – Điện tử, (hồ sơ lưu là biên bản photo, bản chính Đảng ủy giữ).

- Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, nhiệm vụ của Đảng ủy là lãnh đạo công tác tổ chức và cán bộ. Vì vậy, việc Lãnh đạo Trường cho ông Lâm Viết Dũng thôi giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp mà chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của Đảng ủy là chưa đúng theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

n) Việc sử dụng chứng chỉ, bằng cấp không hợp pháp

(i) Đối với trường hợp ông Nguyễn Trọng Nghĩa, tại thời điểm kiểm tra, việc không có kết quả thẩm định và công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với bằng Tiến sĩ và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Central State cấp cho ông Nguyễn Trọng Nghĩa là chưa đúng theo quy định tại Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT.

(ii) Đối với trường hợp ông Lương Xuân Thịnh, trước khi ký hợp đồng làm việc, Trường không thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ của người trúng tuyển là chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

2.2. Đối với các thông tin phản ánh về việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ TOEIC

Trường có ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ với Công ty IEG Việt Nam để thực hiện dịch vụ kiểm tra trình độ sử dụng tiếng Anh của sinh viên bằng chương trình kiểm tra đánh giá năng lực đầu ra sinh viên theo chuẩn đầu ra Quốc tế, theo đó quy định Công ty IEG có trách nhiệm về chất lượng cũng như tính hợp pháp của bài thi kiểm tra đánh giá năng lực đầu ra theo định hướng bài thi quốc tế theo hình thức mới nhất. Đồng thời, Công ty IEG gửi kết quả thi cho Trường dưới hình thức bảng điểm chung (score roster), có dấu xác nhận của Công ty IEG và Công ty IEG không cung cấp phiếu điểm cá nhân. Trường sử dụng kết quả trên để công nhận chuẩn đầu ra cho các sinh viên sau khi dự thi đạt yêu cầu.

2.3. Đối với các thông tin phản ánh về công tác quản lý tài chính và miễn giảm học phí của trường

2.3.1. Về việc tạm thu học phí của người học

a) Nguyên tắc chung về mức thu học phí:

- Mức thu học phí của một tín chỉ, mô-đun được xác định căn cứ vào tổng thu học phí của toàn khóa học theo nhóm ngành, nghề đào tạo và tổng số tín chỉ, mô-đun toàn khóa; trong đó, tổng học phí toàn khóa = mức thu học phí 1 sinh viên/1 tháng x 10 tháng x số năm học, bảo đảm nguyên tắc tổng học phí theo tín chỉ của chương trình đào tạo tối đa bằng tổng học phí tính theo niên chế.

- Trường căn cứ mức thu học phí tương ứng với từng ngành, nghề đào tạo của trường (không vượt quá mức trần học phí theo quy định của Chính phủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa tự đảm bảo chi thường xuyên) và số lượng đối tượng miễn, giảm học phí lập danh sách, xây dựng dự toán kinh phí để được bố trí dự toán kinh phí thực hiện. Việc miễn, giảm học phí được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại Trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí.

- Ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí theo quy định của Chính phủ về mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 của

Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022 – 2023. Theo đó, tại khoản 2 quy định:

*“2. Đối với học phí của các cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập: **Giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 bằng mức thu học phí của năm học 2021 - 2022 do cơ sở giáo dục đã ban hành** theo quy định của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. **Nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo mức trần học phí năm học 2021 - 2022 đã quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP**”.*

- Ngày 14 tháng 11 năm 2023, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 3757/QĐ-SGDĐT thực hiện điều chỉnh giảm đối với dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí của Trường đã được giao đầu năm 2023, cụ thể:

- + Dự toán giao đầu năm: 81.476.000.000 đồng
- + Dự toán điều chỉnh giảm: -50.856.700.000 đồng
- + Dự toán còn lại thực hiện: 30.619.300.000 đồng
- Kết quả tạm thu học phí từ năm học 2020-2021 đến nay tại Trường:

TT	Năm học	Tạm thu học phí		Hoàn trả học phí tạm thu tính đến 31/03/2025		Số còn chưa nhận đến 31/03/2025	
		Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền
1	2020-2021	4.222	50.087.000.000	4.199	49.968.494.352	23	118.505.648
2	2021-2022	4.034	49.126.906.200	3.968	48.832.276.500	66	294.629.700
3	2022-2023	5.462	30.619.300.220	5.137	29.580.951.651	325	1.033.348.569
4	2023-2024	787	9.654.422.000	617	9.225.478.760	170	428.943.240
5	2024-2025	1.438	18.593.374.000	0	0	1.438	18.593.374.000

b) Về cơ sở pháp lý thực hiện

- Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 3841/HDLS-SGDĐT-SLĐTBXH-STC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, và Sở Tài chính về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên từ năm học 2016-2017 đến năm 2020-2021.

Tại phần IV. Phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, quy định:

“1. Phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với các cơ sở giáo dục

công lập:

Kinh phí thực hiện cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập được ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo hình thức giao dự toán. Việc phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập được thực hiện đồng thời với thời điểm phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Khi giao dự toán cho các cơ sở giáo dục, cơ quan chủ quản phải ghi rõ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho người học thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí đang theo học tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập.

Khi rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập phải gửi cơ quan Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch bản tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên người học thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường; mức thu học phí của nhà trường; mức học phí miễn, giảm và tổng nhu cầu kinh phí đề nghị cấp bù).

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù tiền học phí miễn, giảm cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập được tự chủ sử dụng theo quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

“3. Phương thức chi trả tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với người học ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế

c) Phòng lao động - thương binh và xã hội chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù học phí trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.”

Từ căn cứ pháp lý nêu trên, quy định tại điểm c, khoản 3, mục IV Hướng dẫn liên sở số 3841/HDLS-SGDĐT-SLĐTBXH-STC ngày 09 tháng 11 năm 2016 chỉ áp dụng cho đối tượng là ***“các cơ sở giáo dục ngoài công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế”***, việc Trường áp dụng quy định này để thực hiện tạm thu học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí năm học 2020 – 2021 (áp dụng theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP); Sau đó lập và rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí để hoàn trả số tiền tạm thu cho học sinh, sinh viên khi kết thúc năm học là không đúng quy định.

Tương tự đối với các năm học từ 2021 – 2022 đến 2024 – 2025, việc thực hiện tạm thu học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí là không đúng quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

c) Về khoảng thời gian giữa tạm thu và hoàn trả tạm thu

Theo báo cáo, Trường có ban hành các Thông báo về việc hoàn trả tiền miễn,

giảm học phí cho học sinh, sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí khi kết thúc năm học và hoàn tất chương trình học của năm học đó (từ 10 tháng đến 12 tháng).

Qua kiểm tra, ghi nhận việc hoàn trả tiền miễn, giảm học phí chưa được Trường khẩn trương thực hiện và xử lý dứt điểm, dẫn đến số tiền miễn, giảm học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí còn tồn nhiều (do các nguyên nhân như: sinh viên chưa cung cấp số tài khoản để nhận tiền, cung cấp sai số tài khoản,...). Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2025, số tiền miễn, giảm học phí còn tồn chưa hoàn trả là 20.468.801.157 đồng.

d) Về quản lý và theo dõi số tiền tạm thu:

Tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP⁶ ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định: “Cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, nộp toàn bộ số thu học phí của các ngành nghề được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí đào tạo vào Kho bạc Nhà nước để quản lý và sử dụng”.

Tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP⁷ ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định: “Đơn vị nhóm 3 và nhóm 4 mở tài khoản chuyên thu tại ngân hàng thương mại đối với các khoản thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, dịch vụ y tế dự phòng, học phí theo mức giá quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; định kỳ nộp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để quản lý theo quy định”.

Tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP⁸ ngày 27/8/2021 của Chính phủ: “Kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho cơ sở giáo dục công lập được chuyển và hạch toán vào tài khoản thu học phí của cơ sở này và được tự chủ sử dụng theo số lượng thực tế đối tượng được cấp bù và quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập”.

Qua kiểm tra, số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không thuộc diện chính sách, số tiền này và các khoản thu khác được Trường gửi vào tài khoản tiền gửi mở tại ngân hàng thương mại theo dõi chung. Trường chưa nộp toàn bộ số thu học phí vào Kho bạc Nhà nước để quản lý và sử dụng theo quy định.

Vì lý do trên, tiền lãi ngân hàng phát sinh từ số tiền tạm thu (học phí) không thể tách riêng biệt với số thu của các khoản thu khác. Thống kê số tiền tạm thu và tiền lãi ngân hàng phát sinh (của nhiều khoản thu):

⁶ Nghị định quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021

⁷ Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

⁸ Nghị định quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Năm	Tổng số thu		Tiền lãi ngân hàng	
	Học phí	Trong đó: Số tiền tạm thu	Số tiền	Nộp thuế TNDN
Năm 2021	117.580.040.063	50.087.000.000	597.930.076	29.896.504
Năm 2022	162.079.587.829	49.126.906.200	607.699.076	30.384.954
Năm 2023	116.569.415.024	30.619.300.220	580.966.377	29.048.319
Năm 2024	137.299.855.964	9.654.422.000	622.565.957	31.128.298
Năm 2025 (Tính đến 31/05/2025)	49.370.401.242	18.593.374.000	339.711.053	16.985.553

Qua kiểm tra về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp và trích nguồn thu sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với số tiền tạm thu (học phí) từ năm 2021 đến năm 2024, thành viên kiểm tra ghi nhận:

(i) Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số tiền tạm thu (học phí):

Tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP⁹ ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, quy định:

“5. Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác không phải là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà các đơn vị này hạch toán được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, cụ thể như sau:

a) Đối với dịch vụ (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay): 5%. Riêng hoạt động giáo dục, y tế, biểu diễn nghệ thuật áp dụng mức thuế quy định tại điểm c Khoản này;

b) Đối với kinh doanh hàng hóa là 1%;

c) Đối với hoạt động khác là 2%.”

Năm	Số tiền tạm thu (học phí)	Thuế TNDN phải nộp (2%)	Thuế TNDN đã nộp	Thuế TNDN còn phải nộp
Năm 2021	50.087.000.000	Trường chưa cung cấp số liệu	Trường chưa cung cấp số liệu	Trường chưa cung cấp số liệu
Năm 2022	49.126.906.200			
Năm 2023	30.619.300.220			
Năm 2024	9.654.422.000			
Tổng cộng	139.487.628.420			

Số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không thuộc diện chính sách. Trường chưa cung cấp và báo cáo số liệu chi tiết cho thành

⁹ Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp

viên kiểm tra về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số tiền tạm thu (học phí). Do đó, thành viên kiểm tra không có cơ sở để đánh giá Trường có hay không thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp đầy đủ đối với số tiền tạm thu (học phí) theo quy định.

Tuy nhiên, Trường báo cáo đã có buổi làm việc với Cục thuế TP.HCM theo thông báo số 16411/TB-CTTPHCM ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu đang đợi kết luận của Cục Thuế TP.HCM.

(ii) Tình hình thực hiện trích nguồn thu sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với số tiền tạm thu (học phí):

Căn cứ các Công văn của Liên Sở Tài chính - Cục Thuế - Kho bạc Nhà nước Thành phố: Công văn số 883/STC-CT-KBNN ngày 19 tháng 02 năm 2021 về hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách năm 2021; Công văn số 665/STC-CT-KBNN ngày 27 tháng 01 năm 2022 về hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách năm 2022; Công văn số 388/STC-CT-KBNN ngày 27 tháng 01 năm 2023 về hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Công văn số 8738/STC-HCSN ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài chính hướng dẫn về việc trích lập tạo nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu học phí năm 2024.

Năm	Số tiền tạm thu (học phí)	Nguồn CCTL phải trích lập	Nguồn CCTL đã trích lập	Nguồn CCTL còn phải trích lập	Ghi chú
Năm 2021	50.087.000.000	Trường chưa cung cấp số liệu	Trường chưa cung cấp số liệu	Trường chưa cung cấp số liệu	Trích lập tối thiểu 40% số thu
Năm 2022	49.126.906.200				Trích lập tối thiểu 40% số thu
Năm 2023	30.619.300.220				Trích lập tối thiểu 40% số thu
Năm 2024	9.654.422.000				Trích lập tối thiểu 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi
Tổng cộng	139.487.628.420				

Số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không thuộc diện chính sách. Trường chưa cung cấp và báo cáo số liệu chi tiết cho thành viên kiểm tra về tình hình thực hiện trích nguồn thu sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với số tiền tạm thu (học phí). Do đó, thành viên kiểm tra không có cơ sở để đánh giá Trường có hay không thực hiện trích nguồn thu sự nghiệp đầy đủ để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với số tiền tạm thu (học phí) theo quy định.

Thành viên kiểm tra ghi nhận, năm 2021, thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực IV năm 2022 (niên độ ngân sách năm 2021), Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 1092/SGDĐT-KHTC ngày 14 tháng 3 năm 2023 triển khai đến các đơn vị trực thuộc Sở, đề nghị các đơn vị rà soát và có báo cáo tình hình thực hiện trích bổ sung 40% nguồn thu sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương theo kiến nghị của Kiểm toán. Số kiến nghị kiểm toán đối với Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM là 32.938.806.818 đồng.

(iii) Về việc báo cáo số tiền tạm thu tại Báo cáo quyết toán hàng năm:

Qua kiểm tra, Trường thực hiện hạch toán vào tài khoản thu học phí đối với số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí và rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí về tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để hoàn trả cho học sinh, sinh viên khi kết thúc năm học.

Do đó, số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không thuộc diện chính sách và được hạch toán vào tài khoản 531 ***“Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ”***.

Đối với khoản kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí được rút về tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để hoàn trả cho học sinh, sinh viên khi kết thúc năm học, Trường ghi nhận là khoản phải trả khác và được hạch toán vào tài khoản 338 ***“Phải trả khác”***.

Tuy nhiên, đối với hai khoản tiền nêu trên, Trường có thể hiện số liệu trong sổ sách kế toán nhưng không nêu rõ khoản tạm thu và khoản phải trả (*số tiền tạm thu, số tiền tạm thu đã hoàn trả, số tiền tạm thu chưa hoàn trả*) trong Thuyết minh báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hàng năm là không đúng quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

2.3.2. Về việc thu học phí, lệ phí của người học ở các môn học Kỹ năng mềm, Tin học, Ngoại ngữ TOEIC

Theo cơ sở pháp lý Trường cung cấp là quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề, không phải pháp lý cho phép tổ chức các khoản thu. Ngoài ra việc sử dụng từ ***“Phí/Lệ phí”*** đối với các khoản thu phát sinh tại Trường là không đúng với quy định theo Luật phí, lệ phí.

2.4. Đối với các thông tin phản ánh về công tác quản lý và sử dụng tài sản công

a) Trường cho thuê tài sản công theo hình thức đấu thầu là chưa đúng hình thức cho thuê theo quy định tại Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản số 57/GDĐT-KHTC, theo đó có nội dung chỉ đạo:

“Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức rà soát các hợp đồng cho thuê tại đơn vị và trong trường hợp hết thời hạn thì tổ chức đấu giá lại việc cho thuê (nếu có) trong thời hạn hợp đồng 01 năm từ năm 2020 trong thời gian chờ phê duyệt Đề án. Hình thức cho thuê để thực hiện các hoạt động phụ trợ, hỗ trợ giáo dục tại đơn vị có sử dụng cơ sở vật chất tài sản công đều phải thực hiện theo hình thức đấu giá, giá cho thuê là giá trúng đấu giá căn cứ theo Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và việc xác định giá cho thuê phù hợp với giá thực tế cho thuê trên thị trường theo quy định tại Khoản 3 Điều 57 Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Khoản 3, Khoản 4 Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP”.

Do đó, Trường thực hiện không đúng chỉ đạo tại Công văn số 57/GDĐT-KHTC đối với việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, chưa thực hiện đấu giá các nội dung:

(1) Cho thuê giữ xe máy (Công ty TNHH SX TM DV XNK Huyền Trân);

(2) Cho thuê căn tin (Công ty cổ phần Tư vấn và Đào tạo KTXD);

(3) Cho thuê sân bóng, bóng rổ (Công ty TNHH Một thành viên DV-ĐT-TM Phong Sơn) nhưng chưa được phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê.

(4) Cho thuê phòng học và phòng ký túc xá (các tổ chức như: Công ty tư vấn du học OJT; Trường đào tạo doanh nhân CEO; Trung tâm dịch vụ Toyota; Công ty Global Peace International) nhưng chưa được phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê.

b) Nhiều khoản chi được nêu tại Sổ chi tiết tài khoản: chưa hợp lý không phục vụ cho nội dung thu về nội dung cho thuê giữ xe máy (*Chi tiết tại Phụ lục II*); Cho thuê căn tin (*Chi tiết tại Phụ lục III*); Cho thuê sân bóng đá, bóng rổ (*Chi tiết tại Phụ lục IV*) theo quy định tại khoản 6, 7 Điều 46 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017.

c) Dự án Xây dựng trung tâm đào tạo về lĩnh vực thang máy và thang cuốn cho Kỹ thuật viên Cơ điện chuyên nghiệp được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 do Công ty TNHH KONE Việt Nam (Hà Lan) đầu tư bằng vốn viện trợ không hoàn lại, trường không ghi nhận doanh thu.

d) Trường ký hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet Wifi Ký túc xá ghi nhận doanh thu khoản thu hộ chi hộ là chưa đúng quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC.

đ) Về hợp tác cung cấp dịch vụ máy giặt cho sinh viên ký túc xá: theo Thông báo số 65/TB-LTT-KHTC ngày 11/02/2022 và Thông báo số 320/TB-LTT-KHTC ngày 23/5/2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thu tiền Ký túc xá, sinh viên ở Ký túc xá được sử dụng máy giặt miễn phí, trường không ghi nhận doanh thu.

e) Hợp đồng liên kết hợp tác Trung tâm chăm sóc xe Toyota Logitec lĩnh vực đào tạo thực hành các môn học cho sinh viên chuyên ngành ô tô tại Hợp đồng

số 1005/LTT-JP ngày 01/10/2022 cải tạo xây dựng nhà xưởng Trung tâm chăm sóc xe Lý Tự Trọng Toyota Logitec với Công ty TNHH JAPAN BODY COATING, trường không ghi nhận doanh thu.

2.5. Đối với các thông tin phản ánh về hoạt động giáo dục nghề nghiệp

2.5.1. Đối với công tác tuyển sinh

a) Trường có thực hiện 01 số nội dung theo quy định liên quan đến công tác tuyển sinh như: đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh; ban hành Quy chế tuyển sinh; thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh hàng năm; ban hành Quyết định công nhận trúng tuyển của từng Khóa; lưu trữ hồ sơ tuyển sinh.

b) Còn có Quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh do không do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ký ban hành mà do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng ký ban hành.

c) Quyết định công nhận trúng tuyển của từng Khóa có nội dung thể hiện việc ban hành dựa theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh – Đào tạo, không thể hiện nội dung kết luận của Hội đồng tuyển sinh.

d) Còn có hồ sơ nhập học của người học không đầy đủ theo quy định; có hồ sơ mâu thuẫn về mặt thời gian so với Quyết định công nhận trúng tuyển¹⁰.

đ) Việc tổ chức họp và ghi biên bản của Hội đồng tuyển sinh còn có nhiều nội dung không phù hợp như: không chốt số lượng người học được trúng tuyển; số lượng người học được trúng tuyển không thống nhất với Quyết định công nhận trúng tuyển; có phiên họp Hội đồng tuyển sinh do Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì nhưng không có văn bản ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng; ban hành Quyết định trúng tuyển và Quyết định thành lập lớp trước khi Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp.

e) Thực hiện tuyển sinh và ban hành Quyết định công nhận trúng tuyển sai đối tượng tuyển sinh.

g) Trong công tác tuyển sinh các lớp liên thông, một số nội dung Trường thực hiện không phù hợp gồm:

(i) Ban hành các Quyết định trúng tuyển có nội dung không phù hợp (*Khóa thực hiện tuyển sinh năm 2022 nhưng các Quyết định công nhận trúng tuyển có thời gian ban hành vào cuối năm 2022, năm 2023, năm 2024, năm 2025*).

(ii) Đối tượng tuyển sinh không phù hợp với trình độ đào tạo (*tốt nghiệp trình độ trung cấp không phù hợp với khối ngành đào tạo trình độ cao đẳng*).

(iii) Thời điểm người học trúng tuyển chưa có trình độ trung cấp để học liên thông lên trình độ cao đẳng (*Khóa học bắt đầu từ ngày 01/11/2022, tuy nhiên hồ sơ học viên có 33 người học có bằng trung cấp vào ngày 18/11/2022; 07 người học có bằng tốt nghiệp trung cấp ngày 09/01/2023 và 01 người học có bằng tốt nghiệp trung cấp ngày 05/5/2023*).

¹⁰ Khóa 21C1-CCK3

(iv) Quyết định thành lập lớp (*mở lớp*) ban hành trước thời điểm ban hành Quyết định công nhận người học trúng tuyển.

h) Đối với trường hợp của lớp 19T5 – Tin học ứng dụng:

(i) Chỉ tiêu tuyển sinh vượt quy mô được cấp;

(ii) Hồ sơ người học không đầy đủ, cá biệt có trường hợp không nộp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, không có học bạ, không có giấy khai sinh,...

i) Đối với các lớp liên kết đào tạo:

- Có lưu trữ hồ sơ tuyển sinh, xét tuyển của các khóa liên kết đào tạo. Tuy nhiên, phần lớn hồ sơ chưa đầy đủ các thành phần theo quy định (*thiếu: giấy khai sinh, học bạ, bản sao bằng tốt nghiệp THCS tạm thời, bản sao hộ khẩu thường trú*); có một số trường hợp học sinh sai ngành học, xét tuyển năm 2023 nhưng có một số giấy đăng ký xét tuyển năm 2024.

- Không có biên bản họp Hội đồng xét tuyển.

- Danh sách trúng tuyển của Trường có sự trùng tên học sinh với Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11 và Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12.

- Trường không ban hành Quyết định thành lập lớp riêng, chỉ cung cấp danh sách lớp hệ trung cấp tại các đơn vị liên kết đào tạo

2.5.2. Về quá trình tổ chức đào tạo:

a) Trường có ban hành quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Có ban hành thời khóa biểu của Khóa đào tạo.

c) Đối với trường hợp của lớp Tin học ứng dụng (*đối tượng nhập học là cán bộ, nhà giáo, viên chức của Trường*):

(i) Bắt đầu tổ chức hoạt động đào tạo trước khi người học được công nhận trúng tuyển, mở lớp và phê duyệt giáo trình đào tạo của ngành được phê duyệt.

(ii) Khóa học được mở lớp theo hình thức chính quy nhưng được tổ chức đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học (*thời gian đào tạo từ 18 giờ đến 22 giờ hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần bắt đầu từ ngày 26/8/2019*).

(iii) Tổ chức thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp nhưng không có lập Sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp; Không quy định nội dung thực hành, thực tập; Kết quả thực hành, thực tập của người học không có xác nhận của doanh nghiệp nơi đến thực tập và các nội dung khác có liên quan tới đào tạo tại doanh nghiệp.

Đồng thời, người học là các cán bộ quản lý, nhà giáo của trường, có lịch làm việc hàng tuần tại Trường trong thời gian thực tập và có lịch học buổi tối các ngày trong tuần trong thời gian thực tập. Do đó có sự mâu thuẫn về thời gian làm việc và thời gian thực tập của Lớp.

(iv) Thời gian đào tạo của chỉ 09 tháng, không đảm bảo thời gian đào tạo hệ trung cấp đối với thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương: từ 01 năm đến 1,5 năm theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nhà trường tại Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT.

d) Đối với trường hợp của lớp 21C1-CCK3:

(i) Thời khóa biểu cung cấp cho Đoàn kiểm tra chỉ thể hiện 32 môn học/35 môn học thuộc kế hoạch đào tạo.

(ii) Trường tổ chức đào tạo cho học sinh trước khi có Quyết định trúng tuyển.

đ) Đối với các lớp đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng

(i) Đối với lớp 24C2-ANM1, Trường có ban hành thời khóa biểu của khóa học, tuy nhiên thời gian khóa học trong chương trình đào tạo liên thông cao đẳng ngành An ninh mạng là 1,5 năm, không đảm bảo theo Quy chế tuyển sinh (liên thông học 1 năm).

(ii) Đối với lớp 22C2B-CNÔ1, Trường tổ chức đào tạo cho người học trước khi có Quyết định trúng tuyển và chưa phù hợp với tiến độ đào tạo chung của Khóa.

(iii) Trường chưa quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập theo quy định tại Điều 7, Điều 12 Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 21 tháng 9 năm 2017.

e) Đối với các lớp liên kết đào tạo

(i) Trường có ký kết biên bản ghi nhớ và ký kết hợp đồng liên kết đào tạo với các đơn vị liên kết đào tạo.

(ii) Không thu thập được các hồ sơ liên quan đến việc quản lý sử dụng tài sản công của các đơn vị công lập thực hiện liên kết đào tạo với Trường.

(iii) Việc tổ chức đào tạo tại các địa điểm liên kết (*ngoài trụ sở ghi trong giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường*) không được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(iv) Trường không thực hiện việc báo cáo theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

g) Hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng không đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

h) Xét miễn học các môn chung (*Tiếng Anh, Tin học, Pháp luật, Chính trị, ...*) không đúng quy định.

i) Tổ chức giảng dạy không đúng theo Chương trình đào tạo đã ban hành¹¹.

¹¹ **(1)** Các môn thực hành thuộc Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Ô tô ban hành kèm Quyết định số 957/QĐ-

k) Nhà giáo được phân công giảng dạy môn Kỹ năng mềm không có trình độ chuyên môn phù hợp

2.5.3. Về việc thi kết thúc môn, thi tốt nghiệp, xét và công nhận tốt nghiệp cho người học

a) Việc tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ và cho điểm đối với người học được ghi nhận trong Sổ tay giáo viên. Tuy nhiên, đối với môn học Kỹ năng mềm do nhà giáo Nguyễn Mai Chinh giảng dạy, không có Sổ tay giáo viên, không ghi nhận việc kiểm tra thường xuyên, định kỳ nhưng người học vẫn có điểm đánh giá.

b) Đối với việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun:

- Trường tổ chức thi kết thúc môn học mà không có danh sách người học đủ và không đủ điều kiện dự thi.

- Có lịch thi tập trung ở các môn học lý thuyết.

- Môn học thực hành không có lịch thi nhưng vẫn có điểm thi.

- Bài thi trên giấy của người học có nhiều điểm không phù hợp với quy định tổ chức thi của Trường như: bài thi không thực hiện đánh phách, cắt phách; bài thi thiếu chữ ký của giám khảo; bài thi được giám khảo chấm sơ sài, không đánh giá điểm chi tiết, chỉ ghi điểm tổng.

c) Đối với việc tổ chức thi tốt nghiệp:

- Trường không ban hành danh sách người học đủ điều kiện dự thi và không đủ điều kiện dự thi;

- Trường ban hành thông báo về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp của sinh viên các khóa.

d) Nhà trường có ban hành các Quyết định thành lập/kiện toàn Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh các khóa.

đ) Xét tốt nghiệp cho người học (*lớp 19T5*) khi chưa hoàn thành chương trình đào tạo;

e) Xét công nhận tốt nghiệp cho người học (*lớp 19T5*) khi chưa đủ điều kiện;

g) Trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp nhưng không tổ chức họp xét tốt nghiệp;

h) Nhân sự chủ trì các phiên họp Hội đồng xét tốt nghiệp không là Chủ tịch Hội đồng và không được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền điều hành các phiên họp của Hội đồng.

i) Có tổ chức cấp bằng cho người học được công nhận tốt nghiệp nhưng phải đảm bảo đủ điều kiện được cấp bằng do nhà trường quy định. Có trường hợp

LTT ngày 30/12/2022, trong chương trình đào tạo quy định thời lượng dành cho kiểm tra là 0 giờ, nhưng người học vẫn có điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ; (2) Môn học Kỹ năng mềm do nhà giáo Nguyễn Mai Chinh (Công ty Cổ phần GD&ĐT GBI Quốc tế) thể hiện trên thời khóa biểu chỉ có giảng dạy 55 tiết / 60 tiết thuộc chương trình đào tạo

người học chưa ký nhận văn bằng nhưng có bản sao văn bằng trong hồ sơ lưu trữ.

Đồng thời có trường hợp người học đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp nhưng Trường chưa tổ chức cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày người học kết thúc môn học, mô-đun cuối cùng trong chương trình (đối với tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ) theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH.

k) Khi tổ chức xét tốt nghiệp, Trường chỉ nhập thông tin năng lực ngoại ngữ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của người học vào phần mềm quản lý của Trường, không có hồ sơ minh chứng như quy định của Trường.

2.5.4. Về việc biên soạn, thẩm định, ban hành Chương trình đào tạo, Giáo trình đào tạo

a) Mặc dù có quy định về năng lực người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp (*về kỹ năng nghề, năng lực ngoại ngữ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin*) nhưng Trường không thực hiện việc xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho từng ngành, nghề đào tạo của trường theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Thông tư số 12/2017/TT-BLĐT BXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

b) Trường có thành lập Ban biên soạn chương trình đào tạo; Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; Có tổ chức họp Hội đồng thẩm định và lập Biên bản họp; Có ban hành Chương trình đào tạo;

c) Tên và chức danh các thành viên Hội đồng thẩm định không đúng theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017.

d) Hồ sơ không có minh chứng thể hiện trình độ, năng lực của thành viên biên soạn chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 3, Điều 10, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017;

đ) Cơ cấu Hội đồng thẩm định chưa đảm bảo theo quy định.

e) Hồ sơ không có minh chứng thể hiện tiêu chuẩn, năng lực của thành viên Hội đồng thẩm định theo quy định tại Khoản 5, Điều 11, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017.

g) Hồ sơ họp Hội đồng thẩm định không có phiếu biểu quyết và phiếu thẩm định của từng thành viên Hội đồng thẩm định.

h) Hiệu trưởng nhà trường ban hành Chương trình đào tạo nhưng không kèm theo Chương trình chi tiết. Các chương trình chi tiết do Trưởng Khoa ký duyệt nội dung.

i) Thành viên đại diện Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham gia các phiên họp Hội đồng thẩm định, được ghi nhận tại Biên bản họp Hội đồng thẩm định thể hiện nội dung không phù hợp thực tế.

3. Kết luận

3.1. Đối với các thông tin phản ánh về việc thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của trường

a) Trường hợp khai báo lý lịch không trung thực và gian lận sức khỏe để được bổ nhiệm đối với trường hợp của ông Đinh Văn Đệ

Đoàn kiểm tra không thực hiện việc kiểm tra, xác minh nội dung phản ánh này do ông Đinh Văn Đệ là cán bộ thuộc diện quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố, do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bổ nhiệm.

Đồng thời tại Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý các Trường Cao đẳng công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

“2. Nội dung ủy quyền cụ thể

a) Phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng trường Cao đẳng công lập.

b) Quyết định phê duyệt (hoặc điều chỉnh) vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với Trường Cao đẳng công lập.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các Trường Cao đẳng công lập.

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các Trường Cao đẳng công lập theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định phê duyệt phương án tự chủ tài chính của Trường Cao đẳng công lập.

e) Kiểm tra, thanh tra việc quản lý và sử dụng đúng mục đích nguồn tài chính tại Trường Cao đẳng công lập; quản lý và sử dụng tài sản nhà nước của Trường Cao đẳng công lập theo quy định của Chính phủ.

g) Xác định phân loại đơn vị và ra quyết định giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc; phê duyệt dự toán kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu phí được để lại chi, kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (nếu có) cho Trường Cao đẳng công lập.”

Các nội dung ủy quyền không có nội dung về công tác cán bộ, vì vậy việc kiểm tra công tác cán bộ đối với trường hợp ông Đinh Văn Đệ không thuộc thẩm quyền của Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Việc bổ nhiệm người thân của ông Phạm Hữu Lộc – Nguyên Hiệu trưởng trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức

(1) Trường hợp của ông Phan Hữu Tước

- Trường chưa thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số

115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Về thành phần hồ sơ, Trường chưa thực hiện hồ sơ theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Cơ sở pháp lý để Trường áp dụng cho việc bổ nhiệm viên chức đối với ông Phan Hữu Tước không phù hợp

Do đó, việc bổ nhiệm ông Phan Hữu Tước chưa đảm bảo quy định, thông tin phản ánh là có cơ sở.

(2) Trường hợp của ông Phạm Hữu Tấn

Ông Phạm Hữu Tấn được phân công thực hiện vị trí việc làm là Tổ trưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, không thực hiện quy trình bổ nhiệm, đồng thời không hưởng hệ số phụ cấp chức vụ trên bảng lương. Trong thời gian công tác tại Trường (từ tháng 5/2015 đến hết tháng 4/2025) ông Phạm Hữu Tấn làm việc tại Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp.

Quá trình từ khi được tuyển dụng đến khi nghỉ việc do hết tuổi lao động đối với trường hợp của ông Phạm Hữu Tấn thì Trường đã thực hiện theo quy định

Ông Phạm Hữu Tấn không được bổ nhiệm chức vụ Tổ trưởng, không hưởng phụ cấp chức vụ, do đó, thông tin phản ánh là không có cơ sở.

c) Trường hợp bổ nhiệm viên chức quản lý đối với ông Lương Xuân Thịnh

- Đối với trường hợp bổ nhiệm lần đầu năm 2020, nhà trường thực hiện theo quy định của Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Quy định số 321/QyĐ-LTTT-TC ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM.

- Quy định số 321/QyĐ-LTTT-TC ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM và Hồ sơ bổ nhiệm không có điều kiện tiêu chuẩn của chức vụ quản lý theo quy định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định 29/2012/NĐ-CP.

- Hồ sơ cung cấp 02 bản sơ yếu lý lịch theo mẫu 3a-BNV/2007 kèm Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV và mẫu số 2 theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV là chưa phù hợp theo quy định tại điểm c Khoản 4 Quy định số 321/QyĐ-LTTT-TC (sơ yếu lý lịch theo mẫu 2C-BNV/2008).

- Quy trình thực hiện quy hoạch cán bộ quản lý đối với trường hợp ông Thịnh, chỉ có danh sách mà không có Quyết định phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ quản lý là chưa đúng quy định.

- Đối với việc luân chuyển, điều động bổ nhiệm lại đối với ông Lương Xuân Thịnh, nhà trường thực hiện theo Quy định số 333/QyĐ-LTT-TC ngày 25 tháng 4 năm 2020 không phù hợp.

Do đó, việc bổ nhiệm ông Lương Xuân Thịnh chưa đảm bảo quy định, thông tin phản ánh là có cơ sở

d) Về việc sử dụng bằng cấp, chứng chỉ không hợp pháp

(1) Trường hợp của ông Nguyễn Trọng Nghĩa

Tại thời điểm kiểm tra, việc không có kết quả thẩm định và công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với bằng Tiến sĩ và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Central State cấp cho ông Nguyễn Trọng Nghĩa là chưa đúng theo quy định tại Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở

(2) Trường hợp của ông Lương Xuân Thịnh

Trước khi ký hợp đồng làm việc với ông Lương Xuân Thịnh, Trường không thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ của người trúng tuyển là chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức. Tại thời điểm kiểm tra, Trường không cung cấp kết quả xác minh đối với chứng chỉ ngoại ngữ (*tại thời điểm tuyển dụng*) của ông Lương Xuân Thịnh.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở

đ) Về việc phân công nhà giáo cơ hữu giảng dạy trên 200 giờ và ký hợp đồng với nhà giáo cơ hữu

- Trường phân công nhà giáo giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định, trong đó: **(1)** năm học 2022 - 2023 có 117 giảng viên giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định của 09 khoa với tổng số giờ là 40.773 giờ; **(2)** năm học 2023 - 2024 có 76 giảng viên giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định của 11 khoa với tổng số giờ là 16.884 giờ.

Đặc biệt, có trường hợp nhà giáo Nguyễn Mai Chinh được phân công giảng dạy với khối lượng lớn và sĩ số lớp lớn (*bình quân 350 HSSV/lớp*) trong các năm học, gồm: **(1)** Năm học 2021 – 2022, giảng dạy 5.885 giờ; **(2)** Năm học 2022 – 2023, giảng dạy 4.565 giờ; **(3)** Năm học 2023 – 2024, giảng dạy 2.720 giờ; **(4)** Năm học 2024 – 2025, giảng dạy 2.420 giờ.

- Trường ký hợp đồng thỉnh giảng đối với giáo viên cơ hữu của Trường là chưa đúng quy định tại Điều 71 Luật Giáo dục năm 2019.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

e) Về việc thành lập Tổ xác minh

Tổ xác minh được thành lập theo quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 14 tháng 02 năm 2025 đã thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ trong quá trình hoạt động.

Do đó, thông tin phản ánh là không có cơ sở.

g) Về việc điều chuyển nhân sự trong thời gian sắp xếp, tinh gọn bộ máy

Việc điều chuyển nhân sự trong thời gian sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW đối với trường hợp của ông Lê Xuân Thiện và trường hợp của ông Lâm Viết Dũng là thực hiện trong nội bộ đơn vị, không làm tăng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, không thực hiện bổ nhiệm mới tại trường. Do đó, không ảnh hưởng đến việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy hiệu lực, hiệu quả Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương, và Trường thực hiện việc điều chuyển nhân sự này đối với ông Lê Xuân Thiện và ông Lâm Viết Dũng là đúng quy định

Do đó, thông tin phản ánh là không có cơ sở.

h) Về việc liên quan đến ông Lâm Viết Dũng

(1) Quá trình xử lý kỷ luật viên chức đối với ông Lâm Viết Dũng đã được thực hiện theo trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với viên chức theo Nghị định 71/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

Do đó, thông tin phản ánh là không có cơ sở

(2) Việc cho thôi giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp và bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ đến hết nhiệm kỳ đối với ông Lâm Viết Dũng:

- Trường chưa thực hiện đúng quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ quản lý theo khoản 3 Điều 54 của khoản 31 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

- Còn có hồ sơ chưa đúng theo quy định.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

i) Một số nội dung phát hiện trong quá trình kiểm tra, xác minh

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường chưa cập nhật đầy đủ các văn bản pháp luật có liên quan.

- Trường chưa ban hành các quy định liên quan công tác tiếp công dân theo quy định của Thanh tra Chính phủ.

- Hiệu trưởng không có ban hành Quy chế làm việc của Ban Giám hiệu.

- Trường phân công giảng dạy môn học Kỹ năng mềm cho các nhà giáo không có trình độ chuyên môn phù hợp là chưa đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp¹² (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 7 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

Việc để xảy ra các hành vi, sự việc không đúng quy định pháp luật nêu

¹² Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2017; được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 – hiệu lực thi hành từ ngày 10/3/2021 và hết hiệu lực thi hành từ ngày 25/6/2024 theo quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/5/2024

trên của Trường, trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách lĩnh vực (nếu có), tổ chức, cá nhân tham mưu xử lý ở các trường hợp cụ thể.

3.2. Đối với các thông tin phản ánh về việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ TOEIC

Trường có ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ với Công ty IEG Việt Nam để thực hiện dịch vụ kiểm tra trình độ sử dụng tiếng Anh của sinh viên bằng chương trình kiểm tra đánh giá năng lực đầu ra sinh viên theo chuẩn đầu ra Quốc tế, theo đó quy định Công ty IEG có trách nhiệm về chất lượng cũng như tính hợp pháp của bài thi kiểm tra đánh giá năng lực đầu ra theo định hướng bài thi quốc tế theo hình thức mới nhất. Đồng thời, Công ty IEG gửi kết quả thi cho Trường dưới hình thức bảng điểm chung (score roster), có dấu xác nhận của Công ty IEG và Công ty IEG không cung cấp phiếu điểm cá nhân. Trường sử dụng kết quả trên để công nhận chuẩn đầu ra cho các sinh viên sau khi dự thi đạt yêu cầu.

Đối với việc thu học phí, lệ phí của người học ở môn ngoại ngữ (chuẩn đầu ra), Trường căn cứ Điều 5 của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng để tổ chức giảng dạy theo chương trình tự xây dựng phù hợp với trình độ trung cấp và cao đẳng đầu ra của sinh viên, sinh viên có nhu cầu đăng ký học (không bắt buộc), với mức giá thu theo Trung tâm ngắn hạn xây dựng phù hợp được Hiệu trưởng phê duyệt.

Tuy nhiên, Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội không phải là cơ sở pháp lý cho phép tổ chức các khoản thu. Ngoài ra việc sử dụng từ “Phí/Lệ phí” đối với các khoản thu phát sinh tại Trường là không đúng với quy định theo Luật phí, lệ phí.

Do đó, thông tin phản ánh việc trường tổ chức thi TOEIC mà không cấp chứng chỉ cho người học là không có cơ sở.

Việc sử dụng từ “Phí/Lệ phí” đối với các khoản thu phát sinh tại Trường là không đúng với quy định theo Luật phí, lệ phí, trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách lĩnh vực (nếu có), tổ chức, cá nhân tham mưu thực hiện.

3.3. Đối với các thông tin phản ánh về công tác quản lý tài chính và miễn giảm học phí của trường

a) Đối với việc tạm thu học phí của người học thuộc đối tượng miễn học phí

(1) Về việc tạm thu học phí

Từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 – 2025, Trường đã tạm thu học phí của 15.943 người học, với tổng số tiền là **158.081.002.420** đồng (*Một trăm năm mươi tám tỉ không trăm tám mươi một triệu không trăm lẻ hai ngàn bốn trăm hai mươi đồng*), đã tiến hành hoàn trả cho 13.921 người học, với tổng số tiền là

137.607.201.263 đồng (*Một trăm ba mươi bảy tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu hai trăm lẻ một ngàn hai trăm sáu mươi ba đồng*) và hiện còn chưa hoàn trả cho 2.022 người học, với tổng số tiền là **20.468.801.157** đồng (*Hai mươi tỷ bốn trăm sáu mươi tám triệu tám trăm lẻ một ngàn một trăm năm mươi bảy đồng*).

Theo báo cáo, Trường có ban hành các Thông báo về việc hoàn trả tiền miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí khi kết thúc năm học và hoàn tất chương trình học của năm học đó (*từ 10 tháng đến 12 tháng*).

Theo báo cáo, việc tạm thu học phí của Trường căn cứ theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm 2020-2021; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Hướng dẫn liên Sở số 3841/HDLS-SGDĐT-SLĐTBOXH-STC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Liên Sở Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên từ năm học 2016-2017 đến năm 2020-2021.

Hướng dẫn liên Sở số 3841/HDLS-SGDĐT-SLĐTBOXH-STC chỉ áp dụng cho đối tượng là “*các cơ sở giáo dục ngoài công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế*”, nên, việc Trường áp dụng quy định này để thực hiện tạm thu học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí năm học 2020 – 2021 (*áp dụng theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP*); Sau đó lập và rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí để hoàn trả số tiền tạm thu cho học sinh, sinh viên khi kết thúc năm học là không đúng quy định.

Tương tự đối với các năm học từ 2021 – 2022 đến 2024 – 2025, việc thực hiện tạm thu học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí là không đúng quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

(2) Về khoảng thời gian giữa tạm thu và hoàn trả tạm thu

Việc hoàn trả tiền miễn, giảm học phí chưa được Trường khẩn trương thực hiện và xử lý dứt điểm, dẫn đến số tiền miễn, giảm học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí còn tồn nhiều (do các nguyên nhân như: sinh viên chưa cung cấp số tài khoản để nhận tiền, cung cấp sai số tài khoản,...). Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2025, số tiền miễn, giảm học phí còn tồn chưa hoàn trả là 20.468.801.157 đồng.

(3) Về quản lý và theo dõi số tiền tạm thu

- Số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không

thuộc diện chính sách, số tiền này và các khoản thu khác được Trường gửi vào tài khoản tiền gửi mở tại ngân hàng thương mại theo dõi chung. Trường chưa nộp toàn bộ số thu học phí vào Kho bạc Nhà nước để quản lý và sử dụng theo quy định.

Vì lý do trên, tiền lãi ngân hàng phát sinh từ số tiền tạm thu (học phí) không thể tách riêng biệt với số thu của các khoản thu khác.

- Số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không thuộc diện chính sách. Trường chưa cung cấp và báo cáo số liệu chi tiết về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình thực hiện trích nguồn thu sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với số tiền tạm thu (học phí).

Do đó, không có cơ sở để đánh giá Trường có hay không thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp đầy đủ và không có cơ sở để đánh giá Trường có hay không thực hiện trích nguồn thu sự nghiệp đầy đủ để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với số tiền tạm thu (học phí) theo quy định.

- Trường thực hiện hạch toán vào tài khoản thu học phí đối với số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí và rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí về tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để hoàn trả cho học sinh, sinh viên khi kết thúc năm học. Số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không thuộc diện chính sách và được hạch toán vào tài khoản 531 “Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ”. Khoản kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí được rút về tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để hoàn trả cho học sinh, sinh viên khi kết thúc năm học, Trường ghi nhận là khoản phải trả khác và được hạch toán vào tài khoản 338 “Phải trả khác”.

Tuy nhiên, đối với hai khoản tiền nêu trên, Trường có thể hiện số liệu trong sổ sách kế toán nhưng không nêu rõ khoản tạm thu và khoản phải trả (*số tiền tạm thu, số tiền tạm thu đã hoàn trả, số tiền tạm thu chưa hoàn trả*) trong Thuyết minh báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hàng năm là không đúng quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

b) Đối với việc cắt xén chương trình để lấy tiền sinh viên thông qua học phí

Sau khi kiểm tra, rà soát các hồ sơ, dữ liệu do Trường cung cấp, phát hiện có trường hợp thời gian đào tạo thể hiện trên thời khóa biểu không đúng với thời lượng môn học (*môn Kỹ năng mềm, thời khóa biểu thể hiện tổng thời gian giảng dạy là 55 tiết, thời lượng môn học là 60 tiết*).

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

c) Đối với việc dấu hiệu trực lợi ngân sách khi tuyển sinh và báo cáo không số lượng học sinh; giữ tên học sinh trong danh sách đang theo học mặc dù đã bỏ học lâu dài

Sau khi kiểm tra, rà soát các hồ sơ, dữ liệu do Trường cung cấp, chưa phát hiện trường hợp báo cáo không số lượng học sinh hoặc giữ tên học sinh trong danh sách đang theo học mặc dù đã bỏ học lâu dài.

Tuy nhiên, phát hiện trường hợp trùng tên học sinh trong danh sách trúng tuyển của Trường với các đơn vị liên kết đào tạo (*Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11, Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12*).

Do đó, chưa đủ cơ sở để đánh giá đối với thông tin phản ánh.

d) Nội dung phát hiện trong quá trình kiểm tra, xác minh

Việc Trường ký Hợp đồng liên kết đào tạo với Công ty Cổ phần GD&ĐT GBI Quốc tế để dạy môn Kỹ năng mềm có nhiều dấu hiệu vi phạm:

- Thời gian tổ chức lớp đào tạo mâu thuẫn giữa Biên bản thanh lý Hợp đồng và Thời khóa biểu của Trường.

- Nhiều hợp đồng liên kết đào tạo có cùng thời gian thực hiện, cùng thời lượng thực hiện, cùng chương trình đào tạo nhưng được chia thành các Hợp đồng khác nhau với giá trị hợp đồng dưới 200 triệu đồng (mỗi Hợp đồng có căn cứ một Quyết định phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu riêng).

- Các Hợp đồng đào tạo có thông tin về căn cứ Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Trường nhưng Cổng thông tin đấu thầu quốc gia không có đăng tải các thông tin liên quan đến Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu.

Việc để xảy ra các hành vi, sự việc không đúng quy định pháp luật nêu trên của Trường, trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách lĩnh vực (nếu có), tổ chức, cá nhân tham mưu xử lý ở các trường hợp cụ thể.

3.4. Đối với các thông tin phản ánh về công tác quản lý và sử dụng tài sản công

a) Về cho thuê tài sản công theo hình thức đấu thầu

Trường thực hiện không đúng chỉ đạo tại Công văn số 57/GDĐT-KHTC đối với việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, chưa thực hiện đấu giá các nội dung:

(1) Cho thuê giữ xe máy (Công ty TNHH SX TM DV XNK Huyện Trân);

(2) Cho thuê căn tin (Công ty cổ phần Tư vấn và Đào tạo KTXD);

(3) Cho thuê sân bóng, bóng rổ (Công ty TNHH Một thành viên DV-ĐT-TM Phong Sơn) nhưng chưa được phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê.

(4) Cho thuê phòng học và phòng ký túc xá (các tổ chức như: Công ty tư vấn du học OJT; Trường đào tạo doanh nhân CEO; Trung tâm dịch vụ Toyota; Công ty Global Peace International) nhưng chưa được phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê.

Việc cho thuê các nội dung trên là chưa đúng hình thức cho thuê theo quy định tại Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

b) Về cung cấp dịch vụ Internet Wifi Ký túc xá

Trường ký hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet Wifi Ký túc xá ghi nhận doanh thu khoản thu hộ chi hộ là chưa đúng quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

c) Về cung cấp dịch vụ máy giặt tại Ký túc xá

Trường ban hành Thông báo số 65/TB-LTT-KHTC ngày 11/02/2022 và Thông báo số 320/TB-LTT-KHTC ngày 23/5/2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thu tiền Ký túc xá, theo đó, sinh viên ở Ký túc xá được sử dụng máy giặt miễn phí. Nên nội dung này trường không ghi nhận doanh thu.

Do đó, thông tin phản ánh là không có cơ sở.

d) Nội dung phát hiện trong quá trình kiểm tra, xác minh

Trường tổ chức liên kết đào tạo với các đơn vị sự nghiệp công lập: **(1)** Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Duyên Hải; **(2)** Trung tâm GDTX tỉnh Bình Phước; **(3)** Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11; **(4)** Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12; **(5)** Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Theo hồ sơ do Trường cung cấp, không có các hồ sơ minh chứng liên quan đến việc quản lý và sử dụng tài sản công của các đơn vị liên kết với Trường vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Việc để xảy ra các hành vi, sự việc không đúng quy định pháp luật nêu trên của Trường, trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách lĩnh vực (nếu có), tổ chức, cá nhân tham mưu xử lý ở các trường hợp cụ thể.

3.5. Đối với các thông tin phản ánh về hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Về tổ chức tuyển sinh liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng và xét tốt nghiệp cùng lúc 2 trình độ Trung cấp và Cao đẳng

- Các Quyết định trúng tuyển của lớp đào tạo liên thông không phù hợp thời gian đào tạo của Khóa (Khóa thực hiện tuyển sinh năm 2022 nhưng có các Quyết định công nhận trúng tuyển có thời gian ban hành vào cuối năm 2022, năm 2023, năm 2024, năm 2025).

- Người học có trình độ trung cấp không phù hợp với chuyên ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng (*người học tốt nghiệp trình độ trung cấp: ngành Tin học ứng dụng; Bảo trì và sửa chữa ô tô nhưng lại xét trúng tuyển liên thông trình độ cao đẳng ngành Công nghệ ô tô*).

- Bằng cấp người học cung cấp không phù hợp với thời gian nhập học của khóa học (*Khóa học bắt đầu từ ngày 01/11/2022, tuy nhiên hồ sơ học viên có 33 người học có bằng trung cấp vào ngày 18/11/2022; 07 người học có bằng tốt nghiệp trung cấp ngày 09/01/2023 và 01 người học có bằng tốt nghiệp trung cấp ngày 05/5/2023*).

- Quyết định thành lập lớp (mở lớp) ban hành ngày 01/11/2022, tuy nhiên, nhiều Quyết định trúng tuyển lớp hệ Cao đẳng liên thông khóa 2022 (22C2B) ngành Công nghệ ô tô có thời gian ban hành sau Quyết định thành lập lớp (*Quyết định số 964/QĐ-LTT-ĐT ngày 30/12/2022; Quyết định số 324/QĐ-LTT-ĐT ngày 05/6/2023; Quyết định số 884/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/12/2023; Quyết định số 374/QĐ-LTT-ĐT ngày 04/7/2024; Quyết định số 694/QĐ-LTT-ĐT ngày 24/10/2024; Quyết định số 122/QĐ-LTT-ĐT ngày 17/3/2025*).

Từ các nội dung trên, việc Trường tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp chưa phù hợp với quy định.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

b) Về việc cắt xén nội dung của một số môn học nhưng vẫn thu học phí đầy đủ của sinh viên (Môn tiếng Anh: 120 tiết nhưng thực tế chỉ tổ chức 75 tiết; Môn phần mềm chuẩn đoán kỹ thuật ô tô: chỉ tổ chức 15 tiết)

Sau khi kiểm tra, rà soát các hồ sơ, dữ liệu do Trường cung cấp, các môn học Tiếng Anh, Phần mềm chẩn đoán kỹ thuật ô tô chưa phát hiện việc cắt xén nội dung, thời lượng môn học như phản ánh.

Tuy nhiên, phát hiện có trường hợp thời gian đào tạo thể hiện trên thời khóa biểu không đúng với thời lượng môn học (*môn Kỹ năng mềm, thời khóa biểu thể hiện tổng thời gian giảng dạy là 55 tiết, thời lượng môn học là 60 tiết*).

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

c) Về việc liên kết đào tạo trái phép với các Trung tâm Giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong năm 2023 và năm 2024

Trường tổ chức liên kết đào tạo với các đơn vị sự nghiệp công lập: **(1)** Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Duyên Hải; **(2)** Trung tâm GDTX tỉnh Bình Phước; **(3)** Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11; **(4)** Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12; **(5)** Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Việc tổ chức đào tạo tại các địa điểm liên kết (*ngoài trụ sở ghi trong giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường*) không được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Theo báo cáo của Trường, hoạt động liên kết đào tạo này của Trường được

thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH: “...*Trường hợp việc liên kết chỉ thực hiện đào tạo một hoặc một số nội dung học tập trong chương trình đào tạo thì không cần phải đăng ký hoặc đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp;*”.

Tuy nhiên, đối với hoạt động liên kết đào tạo này, Trường không thực hiện việc báo cáo theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

d) Về việc Trường ban hành Quy chế đào tạo nhưng thực hiện không đúng với các quy định do Trường ban hành

- Mặc dù có quy định về năng lực người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp (về kỹ năng nghề, năng lực ngoại ngữ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin) nhưng Trường không thực hiện việc xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho từng ngành, nghề đào tạo của trường theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Khi tổ chức xét tốt nghiệp, Trường chỉ nhập thông tin năng lực ngoại ngữ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của người học vào phần mềm quản lý của Trường, không có hồ sơ minh chứng như quy định của Trường.

- Tổ chức giảng dạy không đúng theo Chương trình đào tạo đã ban hành (Các môn thực hành thuộc Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Ô tô ban hành kèm Quyết định số 957/QĐ-LTT ngày 30/12/2022, trong chương trình đào tạo quy định thời lượng dành cho kiểm tra là 0 giờ, nhưng người học vẫn có điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ; Môn học Kỹ năng mềm do nhà giáo Nguyễn Mai Chinh thể hiện trên thời khóa biểu chỉ có giảng dạy 55 tiết / 60 tiết thuộc chương trình đào tạo).

- Bài thi trên giấy của người học có nhiều điểm không phù hợp với quy định tổ chức thi của Trường như: bài thi không thực hiện đánh phách, cắt phách; bài thi thiếu chữ ký của giám khảo; bài thi được giám khảo chấm sơ sài, không đánh giá điểm chi tiết, chỉ ghi điểm tổng.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

đ) Về việc xây dựng, biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo không đúng quy định. Có dấu hiệu làm giả hồ sơ, khai khống thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước để đủ thành phần và các thành viên này chưa từng tham dự thẩm định chương trình đào tạo theo biên bản thẩm định

- Tên và chức danh các thành viên Hội đồng thẩm định không đúng theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017.

- Hồ sơ không có minh chứng thể hiện trình độ, năng lực của thành viên biên soạn chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 3, Điều 10, Thông tư số

03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017;

- Cơ cấu Hội đồng thẩm định chưa đảm bảo theo quy định.
- Hồ sơ không có minh chứng thể hiện tiêu chuẩn, năng lực của thành viên Hội đồng thẩm định theo quy định tại Khoản 5, Điều 11, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017.
- Hồ sơ họp Hội đồng thẩm định không có phiếu biểu quyết và phiếu thẩm định của từng thành viên Hội đồng thẩm định.
- Hiệu trưởng nhà trường ban hành Chương trình đào tạo nhưng không kèm theo Chương trình chi tiết. Các chương trình chi tiết do Trưởng Khoa ký duyệt nội dung.
- Thành viên đại diện Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham gia các phiên họp Hội đồng thẩm định, được ghi nhận tại Biên bản họp Hội đồng thẩm định thể hiện nội dung không phù hợp thực tế.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

e) Về việc tổ chức lớp trung cấp tin học cho đội ngũ nhà giáo không đảm bảo quy định, người ký bằng không đúng thẩm quyền

(1) Công tác tuyển sinh

- Hội đồng tuyển sinh có tổ chức họp, ghi biên bản, tuy nhiên, thời gian họp (ngày 10/10/2019) thực hiện sau khi có quyết định trúng tuyển và quyết định thành lập lớp (ngày 03/10/2019).
- Chỉ tiêu tuyển sinh vượt quy mô được cấp (*110 người học trúng tuyển / chỉ tiêu 65 người học/năm trình độ trung cấp*);
- Hồ sơ người học không đầy đủ, cá biệt có trường hợp không nộp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, không có học bạ, không có giấy khai sinh,...

(2) Công tác đào tạo

- Bắt đầu tổ chức hoạt động đào tạo trước khi người học được công nhận trúng tuyển, mở lớp (*Môn học đầu tiên (Kỹ thuật lập trình) bắt đầu từ ngày 26 tháng 8 năm 2019, tuy nhiên, khóa 19T5 được công nhận trúng tuyển và mở lớp từ ngày 03 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định số 1150/QĐ-LTT-ĐT của Hiệu trưởng trường CĐ LTT TP. HCM*) và phê duyệt giáo trình đào tạo của ngành được phê duyệt (*Quyết định số 1480A/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/11/2019 của Hiệu trưởng trường CĐ LTT TP. HCM*).
- Khóa học được công nhận trúng tuyển và mở lớp theo hình thức chính quy nhưng được sắp xếp tiến độ đào tạo và thời khóa biểu theo hình thức vừa làm vừa học, thời gian đào tạo từ 18 giờ đến 22 giờ hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần bắt đầu từ ngày 26/8/2019.
- Đối với việc thực tập tốt nghiệp, Trường bố trí cho người học thực tập từ ngày 17/02/2020 đến ngày 28/03/2020 tại các doanh nghiệp nhưng không có lập Sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp; Không quy định nội dung thực hành, thực

tập; Kết quả thực hành, thực tập của người học không có xác nhận của doanh nghiệp nơi đến thực tập và các nội dung khác có liên quan tới đào tạo tại doanh nghiệp. Đồng thời, người học là các cán bộ quản lý, nhà giáo của trường, có lịch làm việc hàng tuần tại Trường trong thời gian thực tập và có lịch học buổi tối các ngày trong tuần trong thời gian thực tập. Do đó có sự mâu thuẫn về thời gian làm việc và thời gian thực tập của Lớp.

- Thời gian đào tạo của chỉ 09 tháng (*ngày 26/8/2019 bắt đầu Khóa học và ngày 21/5/2020 xét công nhận tốt nghiệp bậc trung cấp*), không đảm bảo thời gian đào tạo hệ trung cấp đối với thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương: từ 01 năm đến 1,5 năm theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nhà trường tại Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT.

- Về hồ sơ, sổ sách sử dụng trong quá trình đào tạo, Trường có sử dụng tiến độ đào tạo, tuy nhiên hình thức đào tạo không đúng theo quy định (*mở lớp hệ chính quy nhưng sử dụng tiến độ đào tạo hình thức vừa làm vừa học*), thời gian và tiến độ khóa học mâu thuẫn với thời gian mở lớp.

- Xét miễn học các môn chung (*Tiếng Anh, Tin học, Pháp luật, Chính trị, ...*) không đúng quy định.

(3) Về việc thi kết thúc môn, thi tốt nghiệp, xét và công nhận tốt nghiệp

- Xét tốt nghiệp cho người học khi chưa hoàn thành chương trình đào tạo.

- Xét công nhận tốt nghiệp cho người học khi chưa đủ điều kiện.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

g) Về Các môn học thực hành không tổ chức thi kết thúc môn học mà chỉ lấy điểm kiểm tra làm điểm môn học

- Trường tổ chức thi kết thúc môn học mà không có danh sách người học đủ và không đủ điều kiện dự thi.

- Môn học thực hành không có lịch thi nhưng vẫn có điểm thi.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

h) Nội dung phát hiện trong quá trình kiểm tra, xác minh

- Quyết định công nhận trúng tuyển của từng Khóa có nội dung thể hiện việc ban hành dựa theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh – Đào tạo, không thể hiện nội dung kết luận của Hội đồng tuyển sinh.

- Trường chưa quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập theo quy định tại Điều 7, Điều 12 Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp.

- Hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng không đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Nhân sự chủ trì các phiên họp Hội đồng xét tốt nghiệp không là Chủ tịch Hội đồng và không được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền điều hành các phiên họp của Hội đồng.

- Có tổ chức cấp bằng cho người học được công nhận tốt nghiệp nhưng phải đảm bảo đủ điều kiện được cấp bằng do nhà trường quy định. Có trường hợp người học chưa ký nhận văn bằng nhưng có bản sao văn bằng trong hồ sơ lưu trữ.

Đồng thời có trường hợp người học đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp nhưng Trường chưa tổ chức cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày người học kết thúc môn học, mô-đun cuối cùng trong chương trình (đối với tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ) theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH.

- Nhà giáo Nguyễn Mai Chinh giảng dạy môn học Kỹ năng mềm không có Sổ tay giáo viên, không ghi nhận việc kiểm tra thường xuyên, định kỳ nhưng người học vẫn có điểm đánh giá.

Việc để xảy ra các hành vi, sự việc không đúng quy định pháp luật nêu trên của Trường, trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách lĩnh vực (nếu có), tổ chức, cá nhân tham mưu xử lý ở các trường hợp cụ thể.

4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng (nếu có)

Không có.

5. Kiến nghị các biện pháp xử lý

Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo:

a) Giao Sở Nội vụ :

- Thực hiện rà soát hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tham mưu bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng đối với ông Đinh Văn Đệ.

- Tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố đã tham mưu thực hiện các hành vi sai phạm tại Mục 3 nêu trên và tổ chức khắc phục các sai phạm.

b) Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc Thành phố về tổ chức hoạt động đúng quy định pháp luật hiện hành. Thực hiện kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý hoặc đề xuất xử lý kỷ luật các trường hợp sai phạm (nếu có) phát hiện sau quá trình kiểm tra.

c) Ban hành Quyết định xử phạt hành chính¹³ đối với 16 hành vi vi phạm của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

- **Hành vi 1:** *Bố trí nhà giáo giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định, vi phạm theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 24 Nghị định số*

¹³ Thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3, Điều 38, Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022

88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ¹⁴.

- **Hành vi 2:** *Sử dụng nhà giáo, người dạy không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trình độ để giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác hoặc không phù hợp với chuyên môn được đào tạo, vi phạm theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 24 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

- **Hành vi 3:** *Tuyển sinh sai đối tượng học trình độ cao đẳng, vi phạm theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 11 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

- **Hành vi 4:** *Tổ chức đào tạo liên thông không đủ điều kiện theo quy định, vi phạm theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

- **Hành vi 5:** *Không thực hiện chế độ báo cáo thuộc trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp theo quy định, vi phạm theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 8 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

- **Hành vi 6:** *Xây dựng, ban hành chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp không đúng với mục tiêu, cấu trúc, nội dung, không bảo đảm khối lượng kiến thức tối thiểu, vi phạm theo quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 12 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

- **Hành vi 7:** *Không tổ chức giảng dạy đúng cấu trúc thời gian đào tạo lý thuyết, thời gian đào tạo thực hành của từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, vi phạm theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 13 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

- **Hành vi 8:** *Không thực hiện đúng quy trình tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình, giáo trình đào tạo theo quy định, vi phạm theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

- **Hành vi 9:** *Vi phạm quy định về lưu trữ, bảo quản hồ sơ của người học, vi phạm theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 28 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

- **Hành vi 10:** *Không tổ chức giảng dạy theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, kế hoạch giảng dạy, sổ giáo án, vi phạm theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 13 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

- **Hành vi 11:** *Không xây dựng, không sử dụng tiến độ đào tạo, kế hoạch*

¹⁴ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

đào tạo, thời khóa biểu, sổ lên lớp, sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp, sổ quản lý học sinh, sinh viên, vi phạm theo quy định tại Khoản 5, Điều 17 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.

- **Hành vi 12:** *Xét công nhận tốt nghiệp cho người học khi chưa đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định, vi phạm theo quy định tại Khoản 5, Điều 16 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

- **Hành vi 13:** *Tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học không đúng quy định, vi phạm theo quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

- **Hành vi 14:** *Cấp phát văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ không đúng thời hạn, vi phạm theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 22 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

- **Hành vi 15:** *Bố trí số lượng người học vượt quá quy mô lớp học theo quy định, vi phạm theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

- **Hành vi 16:** *Vi phạm quy định về tổ chức kiểm tra, thi, chấm thi, vi phạm theo quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 16 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022.*

d) Chuyên Công an Thành phố để tiếp tục, điều tra làm rõ các dấu hiệu sai phạm của Trường ở các nội dung:

- Công tác quản lý, sử dụng tài chính công (*việc tạm thu học phí, hoàn trả học phí tạm thu, sổ sách kế toán,...*);

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản công;

- Việc thực hiện các quy định liên quan Luật Đấu thầu.

đ) Giao Hiệu trưởng (*Quyền Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng phụ trách*) Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các nội dung:

- Thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Quyết định xử phạt hành chính.

- Rà soát hồ sơ, giải quyết theo thẩm quyền đối với các trường hợp:

+ Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý không đảm bảo quy định pháp luật;

+ Việc cho thôi chức vụ và bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ đến hết nhiệm kỳ;

+ Việc tuyển dụng, sử dụng nhân sự nhưng không đảm bảo quy định pháp luật trong việc sử dụng bằng cấp, chứng chỉ.

+ Việc ký hợp đồng thỉnh giảng đối với nhà giáo cơ hữu của Trường;

+ Việc xét miễn học các môn học chung cho người học của Trường;

+ Việc xét tốt nghiệp nhưng người học chưa hoàn thành chương trình đào tạo;

- Tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền đã để xảy ra các sai phạm, thiếu sót tại Mục 3 nêu trên. Báo cáo kết quả về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo quy định hiện hành.

Đính kèm:

1. Phụ lục I. Các nội dung chi từ nguồn thu cho thuê giữ xe máy không phù hợp quy định.

2. Phụ lục II. Các nội dung chi từ nguồn thu cho thuê căn tin không phù hợp quy định.

3. Phụ lục III. Các nội dung chi từ nguồn thu cho thuê sân bóng đá, bóng rổ không phù hợp quy định.

4. Phụ lục IV. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Thành phố;
- Sở Nội vụ;
- Phòng KTPC, Phòng KHTC;
- Phòng QLCL, Phòng GDTX-NN&ĐH;
- Trường CĐ Lý Tự Trọng TpHCM;
- Lưu: VT, GDTXNN&ĐH (KK).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

Phụ lục I
NỘI DUNG CHI TỪ NGUỒN THU CHO THUÊ GIỮ XE MÁY
(Kèm theo Thông báo số: /TB-SGDDT ngày tháng 9 năm 2025)

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
1	C/HP/01042	24/01/2022	Tổ chức chương trình tết đoàn tụ năm 2022	20.000.000
2	C/K/02010	20/02/2023	Mua cây cảnh trang trí nhà hiệu bộ HĐ 282 ngày 15/02/2023	5.500.000
3	C/K/12029	14/12/2023	Mua máy pha cà phê cho nhà hiệu bộ phục vụ cho các cuộc họp và hội nghị HĐ 1122 ngày 08/12/2023	8.156.500
4	C/HP/01034	17/01/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T1/2023	2.800.000
5	C/K/03008	10/03/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T2/2023	8.000.000
6	C/K/04006	10/04/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T3/2023	10.800.000
7	C/K/05001	04/05/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T4/2023	9.600.000
8	C/K/05014	25/5/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T5/2023	9.600.000
9	C/K/05020	29/5/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 22-23-24-25-26/05/2023	3.170.000
10	C/K/06023	29/6/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 19-20-21-22-23-24/06/2023	3.695.000
11	C/K/07003	06/07/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T6/2023	10.800.000
12	C/K/07006	11/07/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 26-27-28-29-30/06/2023	2.775.000
13	C/K/07009	11/07/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 03-04-05-06-07/07/2023	3.135.000
14	C/K/07016	24/07/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 10-11-12-13-14-15/07/2023	3.785.000
15	C/K/08003	04/08/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T7/2023	10.400.000
16	C/K/08013	14/08/2023	Thanh toán tiền mua trà tiếp khách	1.100.000
17	C/K/08030	31/8/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T8/2023	10.800.000
18	C/K/09024	27/09/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 18-19-20-21-22/09/2023	3.160.000
19	C/K/09029	29/09/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T9/2023	9.200.000
20	C/K/10026	26/10/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T10/2023	10.400.000
21	C/K/12004	04/12/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T11/2023	10.000.000
22	C/K/12062	30/12/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T12/2023	10.400.000
23	C/K/01007	10/01/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH	2.980.000

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
			ngày 02-03-04-05-06/01/2024	
24	C/K/020010	06/02/2024	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T01/2024	10.000.000
25	C/K/030026	30/3/2024	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T03/2024	10.400.000
26	C/K/110031	29/11/2024	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T10/2024	8.100.000
27	C/K/120023	25/12/2024	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T11/2024	7.800.000
			Tổng cộng	206.556.500

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục II
NỘI DUNG CHI TỪ NGUỒN THU CHO THUÊ CĂN TIN

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SGDDT ngày tháng 9 năm 2025)

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
1	C/HP/02020	21/02/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 07-11/02/2022	2.265.000
2	C/K/02021	22/02/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 14-18/02/2022	2.185.000
3	C/K/03001	01/03/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 21-25/02/2022	2.295.000
4	C/HP/03041	23/03/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 14-18/03/2022	2.315.000
5	C/K/03025	31/03/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 21-25/03/2022	2.305.000
6	C/K/06007	06/06/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 23-27/6/2022	2.430.000
7	C/K/06015	21/06/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 13-17/6/2022	2.475.000
8	C/K/08046	11/8/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 01,05/8/2022	2.450.000
9	C/K/011008	03/11/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 24-28/10/2022	2.940.000
10	C/K/01012	18/01/2023	Mua vật dụng nhà bếp cho nhà hiệu bộ theo HĐ 29 ngày 11/01/2023	6.930.000
11	C/K/12047	26/12/2023	Mua vật dụng cho nhà hiệu bộ theo HĐ 73042 ngày 19/12/2023	539.000
12	C/K/030025	29/03/2024	Mua nệm để phòng khách của trường theo HĐ 4871 ngày 25/03/2024	19.380.001
13	C/K/050026	28/05/2024	Mua VPP cho phòng họp và phòng BGH theo HĐ 777 ngày 23/5/2024	4.301.000
14	C/K/010005	10/01/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 25-26-27-28-29-30/12/2023	3.675.000
15	C/K/010020	19/01/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 08-09-10-11-12/01/2024	3.065.000
16	C/K/010026	25/01/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 15-16-17-18-19/01/2024	3.155.000
17	C/K/020003	02/02/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 22-23-24-25-26/01/2024	3.160.000
18	C/K/020018	29/02/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 05, 06, 07, 16/02/2024	2.120.000
19	C/K/020021	29/02/2024	Thanh toán tiền mua trà tiếp khách và hội họp cho P. Tổ chức Hành chính Tổng hợp	1.1.00.000
20	C/K/030008	08/03/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 26, 27, 28, 29/02/2024; 01/03/2024	3.155.000
21	C/K/030012	14/03/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho	3.235.000

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
			BGH các ngày 04-05-06-07-08/03/2024	
22	C/K/030019	26/03/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 11-12-13-14-15/03/2024	3.130.000
23	C/K/030028	30/03/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 18-19-20-21-22/03/2024	3.195.000
24	C/K/040004	03/04/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 25-26-27-28/03/2024	2.545.000
25	C/K/40014	15/04/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 01-02-03-04-05/04/2024	3.130.000
26	C/K/040020	19/04/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 08-09-10-11-12/04/2024	3.085.000
27	C/K/040024	25/04/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 15-16-17-19/04/2024	2.465.000
28	C/K/050003	07/05/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 22-23-24-25-26/04/2024	3.220.000
29	C/K/050006	09/05/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 02-03-04 05/05/2024	1.700.000
30	C/K/050019	23/05/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 06-07-08-09-10/05/2024	3.020.000
31	C/K/050021	23/05/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 13-14-15-16-17/05/2024	2.330.000
32	C/K/050025	28/05/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 21-22-23-24-25/05/2024	3.085.000
33	C/K/060007	11/06/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 27, 30/5/2024	1.245.000
34	C/K/060009	14/06/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 03-04-05-06-07/06/2024	3.110.000
35	C/K/060011	18/06/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 10-11-12-13-14- 15/06/2024	3.445.000
36	C/K/060018	28/06/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 17-18-19-20-21/06/2024	3.250.000
37	C/K/060022	29/06/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 24-25-26-27-28/06/2024	3.145.000
38	C/K/070016	09/07/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 24-25-26-27-28/06/2024	3.720.000
39	C/K/070028	19/07/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 8-9-10-11-12-13/07/2024	3.770.000
40	C/K/070034	22/07/2024	Thanh toán tiền mua trà tiếp khách và hội hợp cho P. Tổ chức Hành chính Tổng hợp	1.100.000
41	C/K/070038	23/07/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 15-16-17-18-19- 20/07/2024	3.750.000
42	C/K/080001	02/08/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 22-23-24-25-26- 27/07/2024	3.780.000
43	C/K/080009	08/08/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 31/7, 01, 02, 03/8/2024	2.355.000

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
44	C/K/080016	19/08/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 0-06-07-08-09/8/2024	3.220.000
45	C/K/080023	22/08/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 12, 13, 14, 15, 16/8/2024	3.310.000
46	C/K/080039	29/08/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 19, 20, 21, 22, 23/8/2024	3.225.000
47	C/K/090003	09/09/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 26-27-28-29-30/08/2024	3.235.000
48	C/K/090005	10/09/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 04, 05, 06/9/2024	1.915.000
49	C/K/090015	25/09/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 09, 10, 11, 12, 13/9/2024	3.235.000
50	C/K/090016	26/09/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 16, 17, 18, 19, 20/9/2024	3.165.000
51	C/K/090024	30/09/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 23, 24, 25, 26. 27/9/2024	3.375.000
52	C/K/100010	09/10/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 30/9 và 01, 02, 03, 04/10/2024	3.205.000
53	C/K/100012	16/10/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 07, 08, 09, 10, 11/10/2024	3.315.000
54	C/K/100023	25/10/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 14, 15, 16, 17, 18/10/2024	3.305.000
55	C/K/100029	30/10/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 21, 22, 23, 24, 25/10/2024	3.285.000
56	C/K/110001	04/11/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 28-31/10/2024 và 01-02/11/2024	3.735.000
57	C/K/110010	14/11/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 04, 05, 06, 07, 08/11/2024	2.755.000
58	C/K/110016	19/11/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 11, 12, 13, 14, 15/11/2024	2.765.000
59	C/K/110017	19/11/2024	Thanh toán tiền mua trà tiếp khách và hội họp cho P. Tổ chức Hành chính Tổng hợp	1.000.000
60	C/K/110023	25/11/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 18, 19, 20, 21, 22/11/2024	2.805.000
61	C/K/110024	25/11/2024	Chi hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày hội thanh niên khỏe NH 2024-2025 theo CV số 124-CV/ĐTN-LTT ngày 07/11/2024 _in giấy chứng nhận	6.048.000
62	C/K/110024	25/11/2024	Chi hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày hội thanh niên khỏe NH 2024 2025 theo CV số 124-CV/DTN-LTT ngày 07/11/2024 Vả dụng bao bố, dây	1.695.000
63	C/K/120005	05/12/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 25, 26, 27, 28, 29/11/2024	2.795.000
64	C/K/120008	16/12/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho	2.820.000

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
			BGH các ngày 02, 03, 04, 05, 06/12/2024	
65	C/K/120014	18/12/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 09, 10, 11, 12, 13/12/2024	2.180.000
66	C/K/120018	21/12/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 16, 17, 18, 19, 20/12/2024	2.350.000
67	C/K/120024	27/12/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 23, 24, 25, 26, 27/12/2024	2.675.000
			Tổng cộng	210.463.001

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục III
NỘI DUNG CHI TỪ NGUỒN THU CHO THUÊ
SÂN BÓNG ĐÁ, BÓNG RỔ

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SGDĐT ngày tháng 9 năm 2025)

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
1	C/K/01054	26/01/2022	Chi phí tiếp Doanh nghiệp ngày 17/01/2022 theo hóa đơn 82 ngày 24/01/2022	18.469.000
2	C/HP/08058	17/8/2022	Kinh phí BGH mời cơm các đơn vị tài trợ chiến dịch mùa hè xanh năm 2022 theo hóa đơn 164 ngày 04/8/2022	7.256.304
3	C/K/05005	10/5/2023	Thanh toán tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 24-25-26-27-28/4/2023, 04-05/5/2023	3.770.000
4	C/HP/01038	19/01/2023	Thanh toán tiền quà tết tặng các cơ quan chức năng trong các buổi làm việc tại trường theo HĐ 85 ngày 14/01/2023; 11 ngày 07/01/2023; 9 ngày 20/01/2023	46.338.160
5	C/K/02006	13/02/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 06-07-08-09-10/02/2023	3.040.000
6	C/HP/02021	21/02/2023	Chi bổ sung chênh lệch tạm ứng theo PC số C/TU/01010 ngày 11/01/2023; Kinh phí họp mặt CB-GV-CNV trước và sau tết năm 2023	23.500.000
7	C/HP/02036	28/02/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 20-21-22-23-24/02/2023	2.950.000
8	C/K/05008	20/05/2023	Thanh toán tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 08-09-10-11-12/05/2023	3.220.000
9	C/K/05017	29/05/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 15-16-18-19/05/2023	2.195.000
10	C/K/06012	15/06/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 05-06-07-08-09/06/2023	3.175.000
11	C/K/08001	04/08/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 17-18-19-21-22/07/2023	1.830.000
12	C/K/08022	28/08/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 07-08-09-10-11/08/2023	3.020.000
13	C/K/09002	12/09/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 21-22-24-25/08/2023	2.190.000
14	C/K/10010	11/10/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 02-03-04-05-06/10/2023	3.150.000
15	C/K/10016	19/10/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 09-10-11-2-13/10/2023	3.040.000
16	C/K/10027	26/10/2023	Chi tiền hỗ trợ kinh phí Công đoàn Giáo dục thành phố tổ chức Họp mặt CB-GV-NV nghỉ hưu của ngành Giáo dục và Đào tạo TP.HCM NH 2021-2022, NH 2022-2023 ngày 21/10/2023	5.000.000
17	C/K/11023	22/11/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 06-07-08-09-10-11/11/2023	3.650.000

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
18	C/K/12052	27/12/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 18-19-20-21-22-23/12/2023	3.630.000
19	C/K/12058	28/12/2023	Thanh toán tiền mời cơm trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 22/12/2023 theo HĐ 1505 ngày	14.609.160
20	C/K/12059	28/12/2023	Thanh toán chi phí phục vụ buổi làm việc với đoàn cán bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 22/12/2023 theo HĐ 626 ngày 26/12/2023; 1497 ngày 26/12/2023	2.984.020
21	C/HP/010005	08/01/2024	Chi thù lao công tác ngoài giờ tháng 12/2023 cho nhân viên phục vụ P. TC-HC-TH	4.000.000
			Tổng cộng	161.016.644

SỔ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục IV
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SGDĐT ngày tháng 9 năm 2025)

Hành vi vi phạm	Quy định tại Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ		Hình thức xử phạt		
	Nội dung vi phạm	Điều, Khoản	Chính	Bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả
1. Phân công nhà giáo giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định (<i>quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐTBXH</i>)	Bố trí nhà giáo giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định	Điểm b, Khoản 1, Điều 24	Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng	Không có	Không có
2. Phân công giảng dạy môn học Kỹ năng mềm cho các nhà giáo không có trình độ chuyên môn phù hợp	Sử dụng nhà giáo, người dạy không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trình độ để giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác hoặc không phù hợp với chuyên môn được đào tạo	Điểm c, Khoản 2, Điều 24	Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng	Không có	Buộc bố trí, sử dụng nhà giáo đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trình độ và đúng chuyên ngành được đào tạo
3. Thực hiện tuyển sinh và ban hành Quyết định công nhận trúng tuyển sai đối tượng tuyển sinh	Tuyển sinh sai đối tượng học trình độ cao đẳng	Điểm c, Khoản 3, Điều 11	Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành	Đình chỉ hoạt động tuyển sinh có thời hạn từ 03 tháng đến 06	Buộc hủy bỏ quyết định trúng tuyển; buộc hoàn trả các khoản đã thu của người học và chịu mọi chi

Hành vi vi phạm	Quy định tại Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ		Hình thức xử phạt		
	<i>Nội dung vi phạm</i>	<i>Điều, Khoản</i>	<i>Chính</i>	<i>Bổ sung</i>	<i>Biện pháp khắc phục hậu quả</i>
			vi tuyển sinh sai từ 30 người học trở lên	tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều này	phí hoàn trả đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này nếu hành vi vi phạm không do lỗi của người học hoặc có lỗi của cả đối tượng thực hiện hành vi vi phạm và người học
4. Quyết định trúng tuyển của lớp đào tạo liên thông không phù hợp thời gian đào tạo của Khóa (quy định tại Thông tư số 27/2017/TT- BLĐTBXH ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp)	Tổ chức đào tạo liên thông không đủ điều kiện theo quy định	Khoản 1, Điều 15	Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng	Đình chỉ hoạt động đào tạo liên thông có thời hạn từ 12 tháng đến 24 tháng đối với ngành, nghề đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe hoặc đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với ngành, nghề đào tạo khác khi có hành vi vi phạm quy định tại khoản	Buộc bảo đảm đủ điều kiện đào tạo liên thông hoặc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, kết quả học tập, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, thu hồi văn bằng tốt nghiệp đã cấp cho người học, hoàn trả các khoản tiền đã thu của người học và chịu mọi chi phí hoàn trả đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp không

Hành vi vi phạm	Quy định tại Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ		Hình thức xử phạt		
	Nội dung vi phạm	Điều, Khoản	Chính	Bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả
				1 Điều này	xác định được người học để hoàn trả thi nộp vào ngân sách nhà nước
5. Không thực hiện việc báo cáo về hoạt động liên kết đào tạo (quy định tại Điều 10, Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ LĐTBXH)	Không thực hiện chế độ báo cáo thuộc trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp theo quy định	Điểm d, 2, Khoản Điều 8	Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng	Không có	Buộc ban hành quy định, quy chế; thực hiện chế độ báo cáo, trách nhiệm giải trình hoặc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1, điểm a và d khoản 2 Điều này
6. Không thực hiện việc xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho từng ngành, nghề đào tạo của trường để thực hiện quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (quy định tại Khoản 1, Điều 15 Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017)	Xây dựng, ban hành chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp không đúng với mục tiêu, cấu trúc, nội dung, không bảo đảm khối lượng kiến thức tối thiểu	Điểm d, 3, Khoản Điều 12	Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với chương trình đào tạo trình độ cao đẳng	Không có	(1) Buộc cập nhật, xây dựng, ban hành chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp bảo đảm mục tiêu, cấu trúc, nội dung, khối lượng kiến thức tối thiểu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này; (2) Buộc giảng dạy bổ sung đủ nội dung,

Hành vi vi phạm	Quy định tại Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ		Hình thức xử phạt		
	Nội dung vi phạm	Điều, Khoản	Chính	Bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả
2017 của Bộ LĐTĐXH)					khối lượng kiến thức tối thiểu còn thiếu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này
7. Tổ chức giảng dạy không đúng theo Chương trình đào tạo đã ban hành (<i>môn Kỹ năng mềm, thời khóa biểu thể hiện tổng thời gian giảng dạy là 55 tiết, thời lượng môn học là 60 tiết</i>)	Không tổ chức giảng dạy đúng cấu trúc thời gian đào tạo lý thuyết, thời gian đào tạo thực hành của từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo	Điểm b, Khoản 1, Điều 13	Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng	Không có	Không có
8. Việc xây dựng, biên soạn, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo không đúng quy định (<i>quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH</i>)	Không thực hiện đúng quy trình tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình, giáo trình đào tạo theo quy định	Khoản 2, Điều 12	Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng	Không có	Không có
9. Lớp 19T5-THUD, Hồ sơ người học không đầy đủ, cá biệt có trường hợp không nộp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, không có học bạ, không có giấy khai sinh.	Vi phạm quy định về lưu trữ, bảo quản hồ sơ của người học	Điểm c, Khoản 1, Điều 28	Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng	Không có	Buộc lập hồ sơ, lưu trữ, bảo quản, quản lý hồ sơ, tài liệu của người học theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và c khoản 1 và

Hành vi vi phạm	Quy định tại Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ		Hình thức xử phạt		
	Nội dung vi phạm	Điều, Khoản	Chính	Bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả
					khoản 3 Điều này
10. Lớp 19T5-THUD, Khóa học được công nhận trúng tuyển và mở lớp theo hình thức chính quy nhưng được sắp xếp tiến độ đào tạo và thời khóa biểu theo hình thức vừa làm vừa học.	Không tổ chức giảng dạy theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, kế hoạch giảng dạy, sổ giáo án	Điều a, Khoản 1, Điều 13	Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng	Không có	Không có
11. Lớp 19T5-THUD, việc thực tập tốt nghiệp, Trường bố trí cho người học thực tập từ ngày 17/02/2020 đến ngày 28/03/2020 tại các doanh nghiệp nhưng không có lập Sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp; Không quy định nội dung thực hành, thực tập; Kết quả thực hành, thực tập của người học không có xác nhận của doanh nghiệp nơi đến thực tập và các nội dung khác có liên quan tới đào tạo tại doanh nghiệp.	Không xây dựng, không sử dụng tiến độ đào tạo, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, sổ lên lớp, sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp, sổ quản lý học sinh, sinh viên	Khoản 5, Điều 17	Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng	Không có	Buộc xây dựng, sử dụng đủ biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này
12. Lớp 19T5-THUD, Xét công nhận tốt nghiệp cho người học khi chưa đủ điều kiện	Xét công nhận tốt nghiệp cho người học khi chưa đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định	Khoản 5, Điều 16	Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000	Không có	Buộc hủy bỏ kết quả xét công nhận tốt nghiệp đối với hành vi vi phạm quy

Hành vi vi phạm	Quy định tại Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ		Hình thức xử phạt		
	Nội dung vi phạm	Điều, Khoản	Chính	Bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả
			đồng		định tại khoản 5 Điều này
13. Các môn học thực hành, tổ chức thi kết thúc môn học mà không có danh sách người học đủ và không đủ điều kiện dự thi (quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 12 Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ LĐTBXH)	Tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học không đúng quy định	Điểm c, Khoản 4, Điều 16	Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 11 người học trở lên	Không có	Buộc tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá lại kết quả học tập của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này
14. Có trường hợp người học đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp nhưng Trường chưa tổ chức cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày người học kết thúc môn học, mô-đun cuối cùng trong chương trình - đối với tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ (quy định tại Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH).	Cấp phát văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ không đúng thời hạn	Điểm a, Khoản 2, Điều 22	Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng	Không có	Buộc cấp phát văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này
15. Phân công nhà giáo giảng dạy môn Kỹ năng mềm, với sĩ số lớp lớn (bình quân 350 HSSV/lớp).	Bố trí số lượng người học vượt quá quy mô lớp học theo quy định	Khoản 2, Điều 14	Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi vượt quá	Không có	Không có

Hành vi vi phạm	Quy định tại Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ		Hình thức xử phạt		
	<i>Nội dung vi phạm</i>	<i>Điều, Khoản</i>	<i>Chính</i>	<i>Bổ sung</i>	<i>Biện pháp khắc phục hậu quả</i>
			quy mô lớp học từ 50% trở lên		
16. Bài thi trên giấy của người học có nhiều điểm không phù hợp với quy định tổ chức thi của Trường như: bài thi không thực hiện đánh phách, cắt phách; bài thi thiếu chữ ký của giám khảo; bài thi được giám khảo chấm sơ sài, không đánh giá điểm chi tiết, chỉ ghi điểm tổng	Vi phạm quy định về tổ chức kiểm tra, thi, chấm thi	Điều đ, Khoản 2, Điều 16	Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức chấm kiểm tra, chấm thi sai quy định nhưng chưa đến mức độ bị truy cứu trách nhiệm hình sự;	Không có	Buộc bảo đảm quyền lợi của thí sinh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c và đ khoản 2 và khoản 3 Điều này

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO